

CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL

Số 2 Chùa Bộc, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Hanel (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quốc Bình
Ông Nguyễn Đình Vinh
Bà Bùi Thị Hải Yến

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Đình Vinh
Bà Bùi Thị Hải Yến

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Nguyễn Quốc Bình - Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Bổ nhiệm ngày 27/6/2017).

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Lãnh đạo được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Lãnh đạo đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính riêng, tình hình hoạt động riêng của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Lãnh đạo cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Ban Lãnh đạo cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Theo ý kiến của Ban Lãnh đạo, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và các luồng lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Lãnh đạo, 



Nguyễn Quốc Bình
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2019

Số: 072 /VACO/BCKi.T.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hanel

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Hanel (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15 tháng 02 năm 2019, từ trang 05 đến trang 38 bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (gọi chung là "báo cáo tài chính riêng").

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán riêng này, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội vẫn chưa có ý kiến chính thức về phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa của Công ty Cổ phần Hanel; Công ty cũng chưa ký lại các hợp đồng thuê đất với Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Chúng tôi không thu thập được bằng chứng kiểm toán để đánh giá ảnh hưởng của chi phí tiền thuê đất (nếu có chênh lệch tăng/giảm so với thông báo và hợp đồng hiện có) cũng như các vấn đề liên quan đến chi phí sử dụng đất đến các chỉ tiêu báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty.

Như trình bày tại Thuyết minh số 6 Phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, theo nguyên tắc thận trọng trong ghi nhận doanh thu - thu nhập khác, Công ty chưa ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm tiền lãi dự thu về chậm thanh toán của đối tác Group De La Electronica - Cộng hòa Cuba với số tiền là 7.156.350,27 USD theo Biên bản xác minh công nợ ngày 09/01/2019; Tương ứng Công ty cũng chưa ghi nhận chi phí tài chính (lãi phải trả Ngân hàng Phát triển Việt Nam) cho đợt thanh toán từ tháng 8 đến tháng 12 năm 2018 với số tiền ước tính là 23.164.784.451 VND (tương ứng phần doanh thu lãi chậm trả chưa thu được từ đối tác Cuba).

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Như trình bày tại Thuyết minh số 9 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng: Theo Biên bản đối chiếu số liệu tại ngày 31/12/2018 kèm theo Công văn số 7A/2019/CV-N&G ngày 16/01/2019 của N&G; Số dư công nợ Công ty phải thu đối tác - Công ty CP Đầu tư và Phát triển N&G (“N&G”) đang chênh lệch với giá trị 22.920.788.809 VND, chênh lệch này chưa được hai bên thống nhất đối chiếu số liệu cuối cùng, Công ty cũng chưa ghi nhận giảm số dư Nợ phải thu. Chúng tôi không thu thập được bằng chứng kiểm toán cần thiết liên quan đến vấn đề này, do đó chúng tôi không có đủ cơ sở hợp lý để đánh giá ảnh hưởng của giá trị chênh lệch này đến số liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Tại ngày 31/12/2018, Công ty chưa đánh giá và trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản phải thu Công ty TNHH Trung tâm dữ liệu Hà Nội - CSF, Công ty Cổ phần Hanel Mobile, Công ty Cổ phần Hanel Telecom, Công ty Cổ phần Điện tử Hưng Phát, Công ty Cổ phần Phần mềm và Truyền thông Hanel, Công ty Xuất nhập khẩu Bắc Kạn, Công ty Cổ phần Đầu tư Hanel, Công ty Cổ phần Đào tạo Công nghệ Thăng Long. Tổng số dự phòng phải thu khó đòi chưa trích lập ước tính là 11.232.497.411 VND.

Tại thời điểm phát hành báo cáo này, các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty chưa được đánh giá và trích lập đầy đủ dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn, cụ thể:

- Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính của các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác ngoại trừ: Công ty Cổ phần Vé Giao thông Công cộng, Công ty Cổ phần Công nghệ Hanel - DTT, Công ty TNHH Trung tâm dữ liệu Hà Nội - CSF, Công ty Cổ phần Đầu tư Thạch Bàn, Công ty Cổ phần Daeha - Khách sạn Hà Nội Daewoo, Công ty TNHH Hệ thống dây Sumi - Hanel, Công ty Cổ phần Hanel Telecom và Công ty Cổ phần Hanel Mobile. Chúng tôi không thu thập được các báo cáo tài chính của các công ty này tại thời điểm gần nhất ngày 31/12/2018, theo đó chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của việc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính cũng như các điều chỉnh cần thiết (nếu có) và ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính riêng của Công ty.
- Đối với các khoản đầu tư Công ty đã thu thập được báo cáo tài chính riêng nhưng chưa được đánh giá và trích lập Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn đầy đủ, bao gồm: Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Hanel; Công ty Cổ phần Giải pháp Phần mềm Hanel; Công ty Cổ phần Dịch vụ Khu công nghiệp Hanel; Công ty Cổ phần Đầu tư và Đào tạo Dạy nghề Hanel; Công ty TNHH ICD Hà Nội và Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex. Tổng giá trị ước tính cần trích lập bổ sung là 16.886.410.868 VND.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Hanel tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 14: Công ty tạm ghi nhận giá trị lợi thế khai thác dự án tại 60 Nguyễn Đức Cảnh vào giá trị vốn Nhà nước khi quyết toán cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Hanel theo Chứng thư thẩm định giá số 94/2018/CT-CPAVIETNAM ngày 14/4/2018 với giá trị tạm tính 107.630.761.325 VND. Giá trị lợi thế này có thể thay đổi theo kết quả thẩm định của Sở Tài chính. Tại thời điểm kiểm toán, Công ty chưa có kết quả phê duyệt thẩm định của Sở Tài chính về giá trị lợi thế nêu trên. Công ty có trách nhiệm nộp Nhà nước phần chênh lệch tăng sau khi trừ đi các chi phí liên quan (nếu có).

Như trình bày tại Thuyết minh số 36: Tại ngày 31/12/2018, Công ty đã đặt cọc trước một phần tiền thuê đất với số tiền 38.914.200.000 VND cho diện tích đất tại Lô 2 - E9 - Phạm Hùng - Hà Nội (thuộc Dự án Đầu tư xây dựng trụ sở Công ty). Theo Quyết định số 6687/QĐ-UBND ngày 07/12/2018 của UBND TP Hà Nội, trường hợp Công ty TNHH MTV Hanel (hiện là Công ty Cổ phần Hanel) được UBND thành phố Hà Nội giao 4.184 m² đất tại Lô 2 - E9 - Phạm Hùng thì phải xác định khoản chênh lệch tăng giữa giá trị quyền sử dụng đất xác định lại với giá trị đang hạch toán trên sổ sách kế toán để hạch toán tăng giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp cổ phần hóa theo quy định. Tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, Công ty vẫn chưa được bàn giao diện tích đất của Dự án trên.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018


Đơn vị: VND


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		635.781.610.379	800.261.867.110
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	166.411.560.699	106.331.828.356
1. Tiền	111		9.673.167.879	88.771.106.369
2. Các khoản tương đương tiền	112		156.738.392.820	17.560.721.987
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	185.201.053.628	302.026.060.410
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		185.201.053.628	302.026.060.410
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		204.756.201.591	297.305.409.055
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	91.820.156.949	145.346.945.158
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	2.806.208.133	2.349.379.141
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	3.135.000.000	3.135.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	106.994.836.509	146.474.084.756
IV. Hàng tồn kho	140	10	40.411.706.546	37.868.949.481
1. Hàng tồn kho	141		40.411.706.546	37.868.949.481
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		39.001.087.915	56.729.619.808
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	557.877.015	468.687.117
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		38.443.210.900	37.276.938.811
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	-	18.983.993.880
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.277.549.245.408	2.276.732.134.548
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		112.620.761.325	1.000.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	-	44.898.141.996
2. Phải thu dài hạn khác	216	9	112.620.761.325	1.000.000.000
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	(44.898.141.996)
II. Tài sản cố định	220		50.810.961.373	62.042.445.713
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	50.730.513.494	61.917.596.334
- Nguyên giá	222		167.841.142.866	168.352.511.411
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(117.110.629.372)	(106.434.915.077)
2. Tài sản cố định vô hình	227		80.447.879	124.849.379
- Nguyên giá	228		133.204.500	133.204.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(52.756.621)	(8.355.121)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.004.874.455.968	984.802.757.324
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	1.004.874.455.968	984.802.757.324
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	1.090.655.351.046	1.092.965.675.681
1. Đầu tư vào công ty con	251		338.528.145.690	340.507.119.650
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		707.291.519.916	707.437.830.591
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		44.835.685.440	45.020.725.440
V. Tài sản dài hạn khác	260		18.587.715.696	135.921.255.830
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	18.587.715.696	135.921.255.830
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.913.330.855.787	3.076.994.001.658

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

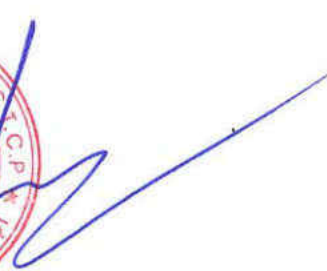
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		947.299.254.527	1.069.846.364.139
I. Nợ ngắn hạn	310		698.335.789.059	764.356.578.251
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	28.222.529.484	83.664.623.742
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	22.140.430.200	14.015.397.160
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	28.893.557.505	35.315.218.144
4. Phải trả người lao động	314		1.205.268.155	2.489.492.251
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	10.142.538.097	15.230.087.513
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	20	3.572.111.285	3.360.326.010
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	470.158.795.512	462.845.200.667
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	128.982.298.339	140.486.940.445
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.018.260.482	6.949.292.319
II. Nợ dài hạn	330		248.963.465.468	305.489.785.888
1. Phải trả người bán dài hạn	331	15	12.103.105.472	-
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	20	36.881.191.076	39.362.445.455
3. Phải trả dài hạn khác	337	18	1.000.000.000	1.000.000.000
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	198.979.168.920	262.653.988.359
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	21	-	2.473.352.074
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.966.031.601.260	2.007.147.637.519
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	1.966.031.601.260	2.007.147.637.519
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.926.000.000.000	1.926.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.926.000.000.000	1.926.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(11.944.000)	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		24.874.491.416	7.995.832.984
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		15.169.053.844	73.151.804.535
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		7.601.310.792	55.920.493.743
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		7.567.743.052	17.231.310.792
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.913.330.855.787	3.076.994.001.658


Trần Thu Loan
Người lập biểu
Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2019


Lữ Thị Khánh Trân
Trưởng Phòng Kế toán - Tài vụ




Nguyễn Quốc Bình
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	461.397.430.344
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2.830.360.610
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	24	458.567.069.734
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	440.771.037.073
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		17.796.032.661
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	138.741.402.091
7. Chi phí tài chính	22	27	47.682.836.172
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		39.292.062.312
8. Chi phí bán hàng	25	28	862.265.383
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	51.127.611.704
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		56.864.721.493
11. Thu nhập khác	31	29	153.149.497.611
12. Chi phí khác	32	30	2.077.705.882
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		151.071.791.729
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		207.936.513.222
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	32.068.347.403
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	32	(2.473.352.074)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		178.341.517.893

Trần Thu Loan
Người lập biểu
Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2019

Lữ Thị Khánh Trân
Trưởng Phòng Kế toán - Tài vụ





Nguyễn Quốc Bình
Chủ tịch Hội đồng Quản trị


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1. Lợi nhuận trước thuế	01	207.936.513.222
2. Điều chỉnh cho các khoản		
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	11.285.901.435
- (Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc	04	1.703.314.448
- (Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(132.618.065.611)
- Chi phí lãi vay	06	39.292.062.312
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	127.599.725.806
- (Tăng), giảm các khoản phải thu	09	(4.057.529.891)
- (Tăng), giảm hàng tồn kho	10	(2.542.757.065)
- Tăng, (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(260.257.759.188)
- (Tăng), giảm chi phí trả trước	12	117.727.964.782
- Tiền lãi vay đã trả	14	(64.422.176.500)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(10.500.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	10.400.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.275.328.084)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(100.717.460.140)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(12.988.424.391)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	170.900.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(280.257.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	421.279.264.942
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	127.998.571.557
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	256.203.312.108
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
1. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(11.944.000)
2. Tiền thu từ đi vay	33	20.000.000.000
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(103.702.954.404)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(9.630.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(93.344.898.404)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	62.140.953.564
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	106.331.828.356
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(2.061.221.221)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	166.411.560.699


Trần Thu Loan
Người lập biểu
Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2019


Lữ Thị Khánh Trân
Trưởng Phòng Kế toán - Tài vụ


Nguyễn Quốc Bình
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hanel (“Công ty”) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty TNHH MTV Hanel theo Quyết định số 5812 ngày 30 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Hanel.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số 0100102206 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26 tháng 10 năm 2010; Giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 4 ngày 27 tháng 6 năm 2017 (ngày chuyển đổi thành Công ty Cổ phần). Vốn điều lệ của Công ty là 1.926.000.000.000 VND (tương đương với 192.600.000 cổ phần theo mệnh giá 10.000 VND/cổ phần).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính, sản xuất phần mềm, xuất nhập khẩu và ủy thác nhập khẩu cho đơn vị kinh tế khác;
- Bất động sản, hạ tầng khu công nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Các công ty con của Công ty bao gồm:

Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty CP HANEL Xốp nhựa	Hà Nội	56,28%	56,28%	Sản xuất, kinh doanh các mặt hàng từ nguyên liệu nhựa
Công ty CP Dịch vụ Khu công nghiệp Hanel	Hà Nội	51,00%	51,00%	Quản lý khu công nghiệp
Công ty CP Đầu tư và Đào tạo dạy nghề Hanel	Hà Nội	51,00%	51,00%	Đào tạo, dạy nghề
Công ty CP Công nghệ Thông tin Hanel	Hà Nội	66,23%	66,23%	Sản xuất thiết bị điện tử
Công ty CP Dịch vụ điện tử Hanel	Hà Nội	51,00%	51,00%	Sản xuất thiết bị điện tử
Công ty CP ĐTV và Kinh doanh Thương mại Hanel	Hà Nội	65,98%	65,98%	Kinh doanh thương mại
Công ty CP Sản xuất Điện tử Công nghệ cao Hanel	Hà Nội	77,76%	77,76%	Sản xuất thiết bị điện tử
Công ty CP Truyền thông Hanel	Hà Nội	51,00%	51,00%	Cung cấp dịch vụ viễn thông
Công ty CP Giải pháp Phần mềm Hanel	Hà Nội	51,00%	51,00%	Cung cấp phần mềm
Công ty TNHH Dehaco	Hà Nội	90,00%	90,00%	Sản xuất điện tử, điện lạnh
Công ty TNHH ICD Hà Nội	Hà Nội	60,00%	60,00%	Khai thác kho, bãi

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Các công ty liên kết, liên doanh của Công ty bao gồm:

Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty CP Đầu tư Thạch Bàn	Hà Nội	27,00%	27,00%	Kinh doanh bất động sản
Công ty CP Công nghệ thế NACENCOMM	Hà Nội	21,11%	21,11%	Dịch vụ công nghệ thông tin
Công ty CP Biển Bạc	Hà Nội	16,67%	16,67%	Thương mại, dịch vụ, du lịch
Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Bắc Việt	Hà Nội	10,21%	10,21%	Xây dựng công trình dân dụng
Công ty CP Hanel Telecom	Hà Nội	48,39%	48,39%	Dịch vụ công nghệ thông tin
Công ty CP Hanel Mobile	Hà Nội	41,49%	41,49%	Dịch vụ công nghệ thông tin
Công ty CP Sản xuất, Gia công & XNK Hanel	Hà Nội	20,00%	20,00%	Sản xuất, mua bán, gia công sản phẩm điện tử
Công ty CP Phần mềm và Truyền thông Hanel	Hà Nội	30,00%	30,00%	Dịch vụ công nghệ thông tin
Công ty CP Điện tử Hưng Phát	Hà Nội	30,00%	30,00%	Dịch vụ công nghệ thông tin
Công ty CP Daeha	Hà Nội	30,00%	30,00%	Kinh doanh khách sạn, dịch vụ
Công ty TNHH Trung tâm dữ liệu Hà Nội - CSF	Hà Nội	25,00%	25,00%	Dịch vụ công nghệ thông tin
Công ty CP Tân Tạo - Hanel	Hà Nội	16,62%	16,62%	Kinh doanh bất động sản
Công ty CP Truyền hình số Miền Bắc (tên cũ: Công ty CP Truyền dẫn, Phát sóng Truyền hình Đồng bằng Sông Hồng)	Hà Nội	30,00%	30,00%	Công nghệ thông tin, truyền thông
Công ty CP Vé Giao thông Công cộng Hà Nội	Hà Nội	25,00%	25,00%	Vận tải công cộng
Công ty TNHH Hệ thống Dây SUMI-HANEL	Hà Nội	30,00%	30,00%	Sản xuất và tiêu thụ mạng dây điện và điện tử cho CN ô tô
Công ty TNHH Đèn hình ORION Hanel	Hà Nội	30,00%	30,00%	Sản xuất thiết bị điện tử
Công ty TNHH Tiếp vận Thăng Long	Hà Nội	10,00%	10,00%	Điều hành trung tâm tiếp vận, điều hành kho bãi container, làm thủ tục hải quan, vận tải nội địa...
Công ty TNHH Công nghệ Hanel DTT	Hà Nội	100,00%	100,00%	Dịch vụ công nghệ thông tin

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng là số liệu trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán. Do Công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần từ ngày 28/6/2017 nên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng không có số liệu so sánh do không tương ứng về kỳ hoạt động.

Một số chỉ tiêu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng đã được điều chỉnh hồi tố. Chi tiết xem Thuyết minh số 37.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền) theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Lãnh đạo phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Lãnh đạo, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý của Luật Kế toán số 88/2015/HQH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, tài sản và công nợ được đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý tại thời điểm cuối năm. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Công ty áp dụng giá trị hợp lý theo chính sách kế toán như sau:

- Các Công cụ tài chính không có giá niêm yết trên thị trường Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này cho mục đích trình bày trên báo cáo tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam không đưa ra hướng dẫn về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường;*
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a và b trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết (Tiếp theo)

Góp vốn liên doanh (Tiếp theo)

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thoả thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính riêng của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thoả thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM: việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư vào các Công ty chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM: việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có của bên nhận đầu tư nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại bên nhận đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Công ty đang áp dụng phương pháp hạch toán hàng tồn kho là kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Thời gian hữu dụng ước tính</u> (năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	06 - 28
Máy móc và thiết bị	06 - 12
Phương tiện vận tải	07 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 05
Tài sản cố định khác	03 - 05

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Tiền thuê đất trả trước: Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất tại Khu Công nghiệp Sài Đồng B Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Lợi thế kinh doanh: Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

Chi phí hệ thống thoát nước thải Khu công nghiệp Sài Đồng B: Các khoản chi phí xây dựng hệ thống thoát nước thải không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định và được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong vòng 36 tháng.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn là giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 (ba) năm.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được chi trả cho người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính riêng. Chi phí trợ cấp thôi việc cho nhân viên được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng tại thời điểm chi trả, nếu thực hiện trích trước vào chi phí thì số trợ cấp thôi việc phải trả phải trích trước tính đến ngày 31/12/2018 là 1.781.300.875 VND, đối với các cán bộ công nhân viên hiện đang làm việc có thời gian lao động tại Công ty từ ngày 31/12/2008 trở về trước. Công ty đã thực hiện trích trước số tiền Dự phòng trợ cấp thôi việc vào kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ngày 27/6/2017, tuy nhiên không được cơ quan thuế và Chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm đó là UBND TP. Hà Nội chấp nhận là chi phí hợp lý và không được thực hiện bàn giao sang Công ty Cổ phần.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để phân phối lợi nhuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Lãnh đạo về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Bên liên quan (Tiếp theo)

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên liên quan trong năm của Công ty bao gồm:

- Các công ty con, công ty liên doanh, liên kết;
- Hội đồng Quản trị và Ban Lãnh đạo.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	2.580.188.228	90.608.065
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.092.979.651	88.680.498.304
Tương đương tiền (i)	156.738.392.820	17.560.721.987
Cộng	<u>166.411.560.699</u>	<u>106.331.828.356</u>

Ghi chú:

- (i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 3 tháng trở xuống tại các Ngân hàng thương mại.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
	VND	VND	VND	VND
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	<u>185.201.053.628</u>	<u>185.201.053.628</u>	<u>302.026.060.410</u>	<u>302.026.060.410</u>
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	10.201.053.628	10.201.053.628	182.026.060.410	182.026.060.410
- Chứng chỉ tiền gửi (ii)	175.000.000.000	175.000.000.000	120.000.000.000	120.000.000.000

Ghi chú:

- (i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng tại các Ngân hàng TMCP.
(ii) Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng.

CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL

Số 02, phố Chùa Bộc, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Mẫu số B09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Số cuối năm			Số đầu năm (Trình bày lại)		
	Giá gốc	Giá trị sổ sách	Dư phòng	Giá gốc	Giá trị sổ sách	Dư phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
b) Đầu tư vào công ty con	270.718.558.500	338.528.145.690	-	270.718.558.500	340.507.119.650	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Hanel	5.100.000.000	5.714.681.600	-	5.100.000.000	5.714.681.600	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Điện tử Hanel	510.000.000	529.339.257	-	510.000.000	559.142.136	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khu công nghiệp Hanel	510.000.000	582.759.945	-	510.000.000	582.759.945	-
Công ty Cổ phần Hanel Xốp nhựa	33.087.436.000	54.358.998.456	-	33.087.436.000	55.138.991.761	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Hanel	15.300.000.000	15.559.722.810	-	15.300.000.000	15.559.722.810	-
Công ty CP Đầu tư và Đào tạo Dạy nghề Hanel	510.000.000	107.144.291	-	510.000.000	107.144.291	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Hanel	15.300.000.000	18.881.815.199	-	15.300.000.000	18.881.815.199	-
Công ty CP Giải pháp Phần mềm Hanel	11.220.000.000	6.863.221.286	-	11.220.000.000	6.863.221.286	-
Công ty CP Sản xuất Điện tử Công nghệ cao Hanel	22.950.000.000	26.042.797.263	-	22.950.000.000	27.211.975.039	-
Công ty TNHH ICD Hà Nội	120.000.000.000	120.000.000.000	-	120.000.000.000	120.000.000.000	-
Công ty TNHH DEHACO	46.231.122.500	89.887.665.583	-	46.231.122.500	89.887.665.583	-
c) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	662.612.528.135	707.291.519.916	-	662.612.528.135	707.437.830.591	-
Công ty Cổ phần Biển Bạc	5.000.000.000	5.062.688.948	-	5.000.000.000	5.208.999.623	-
Công ty Cổ phần Điện tử Hưng Phát	900.000.000	574.673.406	-	900.000.000	574.673.406	-
Công ty Cổ phần Phần mềm và Truyền thông Hanel	600.000.000	600.000.000	-	600.000.000	600.000.000	-
Công ty Cổ phần Tân Tạo - Hanel	543.645.600	458.689.409	-	543.645.600	458.689.409	-
Công ty Cổ phần Vê Giao thông Công cộng	500.000.000	517.776.481	-	500.000.000	517.776.481	-
Công ty CP Công nghệ Hanel - DTT (tên cũ: Công ty CP Công nghệ Giáo dục Đào tạo Hanel - Ruby)	333.200.000	344.644.154	-	333.200.000	344.644.154	-
Công ty CP Công nghệ Thẻ Nacencomm	5.400.000.000	3.626.660.221	-	5.400.000.000	3.626.660.221	-
Công ty CP Daeha - Khách sạn Hà Nội Daewoo	151.861.443.000	343.526.073.021	-	151.861.443.000	343.526.073.021	-
Công ty CP Đầu tư Thạch Bàn (Công ty CP Bất động sản Hanel - Him Lam)	216.000.000.000	216.460.432.601	-	216.000.000.000	216.460.432.601	-
Công ty CP Sản xuất Gia công & XNK Hanel	800.000.000	11.139.488.720	-	800.000.000	11.139.488.720	-
Công ty CP Truyền hình số Miền Bắc (tên cũ: Công ty CP Truyền dẫn, Phát sóng Truyền hình Đồng bằng Sông Hồng)	9.000.000.000	7.007.392.908	-	9.000.000.000	7.007.392.908	-
Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Bắc Việt (tên cũ: Công ty CP Xây dựng Hanel)	2.400.000.000	1.847.955.809	-	2.400.000.000	1.847.955.809	-
Công ty TNHH Hệ thống dây Sumi - Hanel	23.623.899.960	104.787.279.794	-	23.623.899.960	104.787.279.794	-
Công ty TNHH Tiếp vận Thăng Long	5.745.362.358	11.337.764.444	-	5.745.362.358	11.337.764.444	-
Công ty TNHH Trung tâm Dữ liệu Hà Nội - CSF	4.870.000.000	-	-	4.870.000.000	-	-
Công ty TNHH Đèn hình Orion Hanel	232.234.967.217	-	-	232.234.967.217	-	-
Công ty Cổ phần Hanel Mobile	1.000.010.000	-	-	1.000.010.000	-	-
Công ty CP Hanel Telecom	1.800.000.000	-	-	1.800.000.000	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Số cuối năm		Số đầu năm (Trình bày lại)	
	Giá gốc VND	Giá trị sổ sách VND	Giá gốc VND	Giá trị sổ sách VND
<i>d) Đầu tư vào đơn vị khác</i>	50.825.140.000	44.835.685.440	50.727.640.000	45.020.725.440
Công ty Cổ phần Đầu tư Hampad	1.200.000.000	1.831.271.207	1.200.000.000	1.997.591.207
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển N&G	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Viễn thông Hà Nội	18.000.000.000	3.425.144.017	18.000.000.000	3.425.144.017
Công ty CP Đô thị Sinh thái Văn Nội	21.000.000.000	21.006.080.834	21.000.000.000	21.006.080.834
Công ty CP Tự động hoá và Cơ khí Điện tử Hanel	510.000.000	804.165.656	510.000.000	804.165.656
Công ty CP XNK Dịch vụ và Đầu tư Việt Nam	227.500.000	306.974.126	130.000.000	325.694.126
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	6.887.640.000	14.462.049.600	6.887.640.000	14.462.049.600
Cộng	984.156.226.635	1.090.655.351.046	984.058.726.635	1.092.965.675.681

Ghi chú:

- (i) *Giá gốc khoản đầu tư:* là giá trị đầu tư được ghi nhận theo giá trị trên báo cáo tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Hanel trước khi thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá.
- (ii) *Giá trị số sách:* được xác định trên cơ sở giá trị xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần và theo Biên bản bàn giao doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Hanel sang Công ty Cổ phần Hanel tháng 12 năm 2018. Do giá trị đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết, công ty khác tại thời điểm chuyển đổi đã được tính ảnh hưởng từ lãi cổ tức dự thu từ trước thời điểm xác định giá trị bàn giao sang Công ty cổ phần tại ngày 27/6/2017, theo đó các khoản cổ tức thuộc lợi nhuận phát sinh từ trước thời điểm ngày 28/06/2017 nhận về trong năm sẽ được bù trừ với phần đã tính ghi nhận vào giá trị ban đầu của các khoản đầu tư (Xác định giá trị doanh nghiệp chuyển giao cổ phần hoá). Tổng các khoản cổ tức ghi nhận giảm giá trị các khoản đầu tư trong năm là 2.310.324.635 VND, trong đó giảm giá trị khoản đầu tư vào công ty con là 1.978.973.960 VND, giảm giá trị các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết là 146.310.675 VND, giảm giá trị các khoản đầu tư khác là 185.040.000 VND.

- (iii) *Giá trị hợp lý:* Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về các tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng này, ngoại trừ báo cáo tài chính của các Công ty con, Công ty Cổ phần Vé Giao thông Công cộng, Công ty Cổ phần Công nghệ Hanel - DTT, Công ty TNHH Trung tâm dữ liệu Hà Nội - CSF, Công ty Cổ phần Đầu tư Thạch Bàn, Công ty Cổ phần Daeha, Công ty TNHH Hệ thống dây Sumi - Hanel, Công ty Cổ phần Hanel Telecom và Công ty Cổ phần Hanel Mobile, Công ty chưa thực hiện báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của các Công ty liên doanh, liên kết và các Công ty nhận vốn góp đầu tư khác còn lại. Theo đó, Công ty chưa trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn vào các đơn vị trên cũng như không có cơ sở để xác định giá trị hợp lý đầu tư vào các đơn vị đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	91.820.156.949	145.346.945.158
Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Hanel	30.506.522.763	52.457.525.329
Corporacion Cimex S.A, Division de compras, Almacenaje Y Distribucion	23.488.482.940	12.481.515.774
Công ty Cổ phần Viễn Thông Điện Tử Vinacap	15.534.422.200	5.465.339.100
Công ty Cổ phần Hanel Mobile	6.853.319.925	6.853.319.925
Công ty Cổ phần BOT Pháp Vân - Cầu Giẽ	4.074.833.386	-
Thales Six GTS France SAS	4.640.592.851	-
Công ty Cổ phần Phân phối Sản phẩm Công nghệ cao Dầu khí	4.000.000.000	-
Cục Quản lý Xuất nhập cảnh - Bộ Công an	-	34.666.501.000
Công ty TNHH Điện tử Hoàn Kiếm	-	30.000.000.000
Các đối tượng khác	2.721.982.884	3.422.744.030
b) Phải thu khách hàng dài hạn	-	44.898.141.996
Xuất khẩu máy tính CuBa năm 2007	-	26.017.329.380
Xuất khẩu máy tính sang Cuba năm 2006	-	18.880.812.616
Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan	38.103.689.625	60.091.434.524
Công ty Cổ phần Hanel Xốp nhựa	96.547.500	104.719.000
Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Hanel	30.506.522.763	52.457.525.329
Công ty Cổ phần Hanel Mobile	6.853.319.925	6.853.319.925
Công ty Cổ phần Điện tử Hưng Phát	296.150.000	296.150.000
Công ty Cổ phần Phần mềm và Truyền thông Hanel	106.401.343	106.401.343
Các đối tượng liên quan khác	244.748.094	273.318.927

Phải thu khách hàng dài hạn: Số dư nợ gốc phải thu theo hợp đồng và thỏa thuận đã được ký kết với Grupo De La Electronica của Cộng hòa Cuba. Theo lịch trả nợ thì khoản nợ sẽ được Grupo De La Electronica thanh toán đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2019. Theo nguyên tắc thận trọng, Công ty đã ghi nhận giảm nợ gốc tương ứng số tiền Công ty thực thu (bao gồm gốc, lãi chậm thanh toán). Đến tháng 2/2018, Công ty đã khấu trừ hết nợ gốc trên sổ kế toán và tiến hành ghi nhận vào doanh thu tài chính (đối với khoản lãi trả cho Ngân hàng Phát triển VDB tương ứng) và thu nhập khác (đối với khoản còn lại), đồng thời Công ty hoàn nhập khoản dự phòng phải thu dài hạn khó đòi và ghi tăng Khoản phải nộp Ngân sách.

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	2.806.208.133	2.349.379.141
Công ty Cổ phần Truyền thông Hanel	865.260.000	-
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hapulico	178.813.125	854.000.000
Các đối tượng khác	1.762.135.008	1.495.379.141
Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan	1.504.980.523	298.040.041
Công ty Cổ phần Phần mềm và Truyền thông Hanel	298.040.041	298.040.041
Công ty Cổ phần Truyền thông Hanel	865.260.000	-
Công ty Cổ phần Biển Bạc	341.680.482	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

8. PHẢI THU CHO VAY

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu cho vay ngắn hạn	3.135.000.000	3.135.000.000
Công ty TNHH Trung tâm dữ liệu Hà Nội - CSF	3.135.000.000	3.135.000.000
Trong đó: Phải thu cho vay là bên liên quan	3.135.000.000	3.135.000.000
Công ty TNHH Trung tâm dữ liệu Hà Nội - CSF	3.135.000.000	3.135.000.000

Ghi chú:

Khoản phải thu cho vay Công ty TNHH Trung tâm Dữ liệu Hà Nội - CSF đã quá hạn từ lâu.

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm (Trình bày lại)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	106.994.836.509	-	146.474.084.756	-
Tạm ứng	249.923.661	-	1.679.871.222	-
Phải thu về cổ phần hoá	-	-	1.065.740.157	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	86.798.981.299	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển N&G (i)	-	-	86.757.000.000	-
- Các đối tượng khác	-	-	41.981.299	-
Phải thu khác	106.744.912.848	-	56.929.492.078	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển N&G (i)	102.920.788.809	-	16.163.788.809	-
- Công ty Cổ phần Công nghệ DIT (ii)	-	-	3.990.000.000	-
- Công ty TNHH DEHACO	1.758.983.738	-	-	-
- Corporacion Cimex S.A, Division de compras, Almacenaje Y Distribucion	724.796.768	-	-	-
- Công ty CP Daeha-Khách sạn Hà Nội Daewoo	-	-	22.146.388.721	-
- Công ty TNHH Hệ thống dây Sumi - Hanel	-	-	6.825.000.000	-
- Công ty Cổ phần Hanel Xốp nhựa	-	-	3.460.861.461	-
- Công ty Cổ phần Truyền thông Hanel	-	-	2.493.790.678	-
- Các đối tượng khác	1.340.343.533	-	1.849.662.409	-
b) Dài hạn	112.620.761.325	-	1.000.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	4.990.000.000	-	1.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Công nghệ DIT (ii)	3.990.000.000	-	-	-
- Các đối tượng khác	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Phải thu khác	107.630.761.325	-	-	-
- Giá trị lợi thế khai thác dự án tại 60 Nguyễn Đức Cảnh (iii)	107.630.761.325	-	-	-
Trong đó: Phải thu khác là bên liên quan	3.869.243.771	-	37.111.941.858	-
Công ty TNHH DEHACO	1.758.983.738	-	-	-
Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Hanel	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khu công nghiệp Hanel	556.241.333	-	633.882.298	-
Công ty Cổ phần Hanel Mobile	390.450.000	-	390.450.000	-
Công ty CP Hanel Telecom	163.568.700	-	161.568.700	-
Công ty Cổ phần Hanel Xốp nhựa	-	-	3.460.861.461	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Hanel	-	-	2.493.790.678	-
Công ty CP Daeha - Khách sạn Hà Nội Daewoo	-	-	22.146.388.721	-
Công ty TNHH Hệ thống Dây Sumi - Hanel	-	-	6.825.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)

Ghi chú:

- (i) Bao gồm khoản gốc đặt cọc 86.757.000.000 VND và khoản lãi dự thu 16.163.788.809 VND từ các hợp đồng đặt cọc của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển N&G tính đến ngày 27/06/2017. Tổng số tiền lãi Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển N&G còn phải trả Công ty tính đến ngày 31/12/2018 là 48.228.864.717 VND. Công ty chưa ghi nhận tăng doanh thu tài chính và phải thu khác với số tiền 32.065.075.908 VND do chưa chắc chắn về thời gian thu hồi được.

Công ty ghi nhận công nợ phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển N&G (“N&G”) với số tiền 102.920.788.809 VND (trong đó, gốc là 86.757.000.000 VND và lãi đã ghi nhận vào kết quả kinh doanh năm 2017 là 16.163.788.809 VND). Theo Biên bản đối chiếu số liệu kèm theo Công văn số 7A/2019/CV-N&G ngày 16/01/2019 của N&G, N&G chỉ xác nhận số tiền gốc đã nhận từ Công ty Cổ phần Hanel là 80.000.000.000 VND, chênh lệch giảm so với số Công ty đang theo dõi là 22.920.788.809 VND. Theo Thư xác nhận công nợ ngày 30/6/2018 được ký bởi Hanel và N&G, N&G đang nợ Hanel tính đến 30/6/2018 số tiền cả gốc và lãi 128.532.152.849 đồng. Từ 30/6/2017 đến 31/12/2018, N&G chưa thanh toán khoản tiền nào cho Hanel. Hiện hai bên vẫn chưa thống nhất được số liệu đối chiếu. Tại ngày 31/12/2018, các khoản công nợ trên đã quá hạn nhưng chưa được Công ty đánh giá và trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

- (ii) Đặt cọc mua cổ phần của DTT theo Hợp đồng đặt cọc mua cổ phần số 12/HĐĐC-CP ngày 22/4/2015. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, hợp đồng trên vẫn chưa được thanh lý.
- (iii) Giá trị lợi thế khai thác dự án tại 60 Nguyễn Đức Cảnh phát sinh từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 05 – 05/HANEL-HUD3-HTKD ngày 05/05/2016. Giá trị trên được ghi nhận theo Chứng thư thẩm định giá số 94/2018/CT-CPAVIETNAM ngày 14/4/2018 với giá trị tạm tính 107.630.761.325 VND. Giá trị lợi thế này có thể thay đổi theo kết quả phê duyệt thẩm định của Sở Tài chính, Công ty có trách nhiệm nộp Nhà nước phần chênh lệch tăng sau khi trừ đi các chi phí liên quan (nếu có).

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	88.880.582	-	102.660.341	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	40.123.896.106	-	36.763.625.781	-
Thành phẩm	-	-	774.349.652	-
Hàng hóa	198.929.858	-	228.313.707	-
Cộng	40.411.706.546	-	37.868.949.481	-

Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Dự án xây dựng bản đồ số, hệ thống khai thác dữ liệu giám sát hành trình và sản giao dịch vận tải	31.298.816.290	-	26.895.658.799	-
Dự án Camera giám sát tuyến đường Pháp Vân - Cầu Giẽ	4.068.849.344	-	9.687.292.317	-
Dự án khác	4.756.230.472	-	180.674.665	-
Cộng	40.123.896.106	-	36.763.625.781	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
	VND	VND
a) Ngắn hạn	557.877.015	468.687.117
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	166.509.142	148.241.693
Chi phí sửa chữa văn phòng	15.683.747	31.285.552
Các khoản khác	375.684.126	289.159.872
b) Dài hạn	18.587.715.696	135.921.255.830
Chi phí sửa chữa văn phòng	646.938.169	864.197.682
Chi phí hệ thống thoát nước thải tại KCN SDB	1.745.219.060	3.747.380.430
Chi phí thuê đất tại KCN SDB	3.903.506.001	4.051.993.125
Chi phí đăng ký bảo hộ nhãn hiệu	219.769.699	323.915.348
Giá trị lợi thế kinh doanh	9.501.541.391	17.128.148.751
Công cụ dụng cụ xuất dùng	80.913.202	394.801.939
Giá trị lợi thế khai thác dự án tại 60 Nguyễn Đức Cảnh (i)	-	107.630.761.325
Các chi phí khác	2.489.828.174	1.780.057.230

Ghi chú:

- (i) Giá trị lợi thế khai thác dự án tại 60 Nguyễn Đức Cảnh tạm ghi nhận theo Chứng thư thẩm định giá số 94/2018/CT-CPAVIETNAM ngày 14/4/2018 như trình bày tại Thuyết minh số 9.

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU/ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm (Trình bày lại)	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a) Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp (i)	-	28.325.832.586	-	28.325.832.586
Thuế thu nhập cá nhân	341.713.518	1.762.466.636	1.538.210.235	565.969.919
Thuế tài nguyên	29.971.600	363.264.496	393.236.096	-
Các loại thuế khác (ii)	34.923.201.026	(25.716.889.450)	9.206.311.576	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	20.332.000	46.185.000	64.762.000	1.755.000
Cộng	35.315.218.144	4.780.859.268	11.202.519.907	28.893.557.505
b) Phải thu				
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	4.642.433.277	4.642.433.277	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (i)	18.983.993.880	29.483.993.880	10.500.000.000	-
Cộng	18.983.993.880	34.126.427.157	15.142.433.277	-

Ghi chú:

- (i) Thuế TNDN phải nộp trong năm bao gồm:
- Giá trị 32.068.347.403 VND là tiền thuế TNDN của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018. Chi tiết xem Thuyết minh số 31.
 - Giá trị 11.368.427.230 VND và 14.373.051.833 VND là thuế TNDN tương ứng khoản hoàn nhập dự phòng Phải thu Cuba những năm trước. Công ty đã hạch toán giá trị này tăng khoản phải nộp Lợi nhuận sau thuế về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp trong những năm trước. Công ty thực hiện phân loại tăng thuế TNDN phải nộp, giảm nộp Lợi nhuận sau thuế về quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp trong báo cáo tài chính 2018.
- (ii) Bao gồm 24.589.613 VND tiền thuế phải nộp trong năm và điều chỉnh giảm 25.741.479.063 VND tiền thuế TNDN tương ứng khoản hoàn nhập dự phòng Phải thu Cuba những năm trước (ghi tăng Thuế TNDN phải trả).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo.

13. TẶNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	126.702.984.638	29.312.056.294	11.354.207.726	-	983.262.753	168.352.511.411
- Mua trong năm	-	-	-	44.409.091	41.450.000	85.859.091
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(477.633.545)	-	(119.594.091)	(597.227.636)
Số dư cuối năm	126.702.984.638	29.312.056.294	10.876.574.181	44.409.091	905.118.662	167.841.142.866
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	76.595.140.976	20.713.119.020	8.459.046.479	-	667.608.602	106.434.915.077
- Khấu hao trong năm	7.378.312.656	1.926.561.668	1.708.840.290	3.968.035	223.817.286	11.241.499.935
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(446.191.549)	-	(119.594.091)	(565.785.640)
Số dư cuối năm	83.973.453.632	22.639.680.688	9.721.695.220	3.968.035	771.831.797	117.110.629.372
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư đầu năm	50.107.843.662	8.598.937.274	2.895.161.247	-	315.654.151	61.917.596.334
Số dư cuối năm	42.729.531.006	6.672.375.606	1.154.878.961	40.441.056	133.286.865	50.730.513.494

Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao và còn sử dụng tại thời điểm ngày 31/12/2018 là 1.702.836.797 VND (tại thời điểm ngày 01/01/2018: 0 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Dự án khu Công viên Công nghệ phần mềm Hà Nội	952.675.899.666	933.595.980.652
Dự án Phạm Hùng (Tòa tháp TMĐT và VP Hanel)	49.801.109.018	49.801.109.018
Dự án Khu công viên phần mềm Đà Nẵng số 2	484.940.910	484.940.910
Chi phí mua sắm TSCĐ	196.301.988	176.508.136
Cải tạo nâng công suất Nhà máy nước KCN Sài Đồng B	-	525.064.546
Các dự án khác	1.716.204.386	219.154.062
Cộng	1.004.874.455.968	984.802.757.324

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn	28.222.529.484	28.222.529.484	83.664.623.742	83.664.623.742
Công ty Cổ phần Truyền thông Hanel	12.329.149.020	12.329.149.020	736.395.960	736.395.960
Công ty Cổ phần Biển Bạc	7.021.007.135	7.021.007.135	8.208.738.290	8.208.738.290
Công ty CP Sản xuất Điện tử Công nghệ cao Hanel	2.739.056.000	2.739.056.000	2.989.526.000	2.989.526.000
Công ty Cổ phần Phát triển Công trình Viễn thông	1.255.167.748	1.255.167.748	187.318.716	187.318.716
Công ty CP Giải pháp Phần mềm Hanel	1.142.100.000	1.142.100.000	3.142.100.000	3.142.100.000
Công ty TNHH Giải pháp Việt Bản Đồ	-	-	21.700.000.000	21.700.000.000
Công ty TNHH MTV Quang điện - Điện tử	-	-	11.447.105.296	11.447.105.296
Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Bắc Việt	-	-	2.321.200.110	2.321.200.110
Các đối tượng khác	3.736.049.581	3.736.049.581	32.932.239.370	32.932.239.370
b) Phải trả người bán dài hạn	12.103.105.472	12.103.105.472	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Thăng Long	9.781.905.362	9.781.905.362	-	-
Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Bắc Việt	2.321.200.110	2.321.200.110	-	-
Trong đó: Phải trả người bán là bên liên quan	25.552.512.265	25.552.512.265	17.590.343.927	17.590.343.927
Công ty Cổ phần Biển Bạc	7.021.007.135	7.021.007.135	8.208.738.290	8.208.738.290
Công ty CP Sản xuất Điện tử Công nghệ cao Hanel	2.739.056.000	2.739.056.000	2.989.526.000	2.989.526.000
Công ty CP Daeha -Khách sạn Hà Nội	-	-	121.253.997	121.253.997
Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Bắc Việt (tên cũ: Công ty CP Xây dựng Hanel)	2.321.200.110	2.321.200.110	2.321.200.110	2.321.200.110
Công ty CP Giải pháp Phần mềm Hanel	1.142.100.000	1.142.100.000	3.142.100.000	3.142.100.000
Công ty Cổ phần Truyền thông Hanel	12.329.149.020	12.329.149.020	736.395.960	736.395.960
Công ty Cổ phần Dịch vụ Điện tử Hanel	-	-	1.485.000	1.485.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khu công nghiệp Hanel	-	-	69.644.570	69.644.570

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<i>Người mua trả tiền trước</i>	22.140.430.200	14.015.397.160
Thales Six GTS France SAS	22.140.430.200	-
Công ty Cổ phần Viễn thông Hà nội (TELECOM)	-	11.761.297.919
Công ty CP BOT Pháp Vân - Cầu Giẽ	-	2.093.099.241
Các đối tượng khác	-	161.000.000

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<i>Chi phí phải trả ngắn hạn</i>	10.142.538.097	15.230.087.513
Chi phí dự án Thales	63.450.000	-
Chi phí lãi vay	7.167.932.407	13.541.901.373
Chi phí thâm định giá	750.000.000	-
Trích trước chi phí thường tết	1.594.231.000	1.251.120.000
Chi phí phải trả khác	566.924.690	437.066.140
<i>Trong đó: Chi phí phải trả là bên liên quan</i>	7.486.751.507	7.595.242.965
Lãi vay phải trả Công ty TNHH Dehaco	6.446.739.655	6.161.455.810
Lãi vay và tiền thuê kho phải trả Công ty CP Sản xuất Điện tử Công nghệ cao Hanel	721.192.752	1.089.704.855
Chi phí phải trả khác Công ty CP dịch vụ KCN Hanel	318.819.100	344.082.300

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	(Trình bày lại) VND
<i>a) Phải trả khác ngắn hạn</i>	470.158.795.512	462.845.200.667
Kinh phí công đoàn	96.960.538	137.689.326
Bảo hiểm xã hội	(2.484.377)	-
Cổ tức phải trả (i)	28.890.000.000	-
Phải trả về cổ phần hoá	-	49.013.659.648
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn (ii)	32.025.445.884	20.000.000.000
Phải trả quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp (iii)	400.199.521.022	374.743.193.506
Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.949.352.445	18.950.658.187
- Công ty TNHH DEHACO	-	10.391.016.262
- Công ty Cổ phần Viễn thông Hà Nội (TELECOM)	5.623.279.200	5.623.279.200
- Phải trả lãi cổ đông	2.363.279.317	2.363.279.317
- Các đối tượng khác	962.793.928	573.083.408
<i>b) Phải trả khác dài hạn</i>	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Hanel	1.000.000.000	1.000.000.000
<i>Trong đó: Phải trả khác là bên liên quan</i>	1.000.000.000	11.391.016.262
Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Hanel	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty TNHH DEHACO	-	10.391.016.262

Ghi chú:

- (i) Cổ tức năm 2018 phải trả cổ đông. Chi tiết xem thuyết minh số 22 - Vốn góp của chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

18. PHẢI TRẢ KHÁC (TIẾP THEO)

Ghi chú (Tiếp theo):

(ii) Bao gồm hai khoản chính:

- Khoản đặt cọc của Công ty TNHH Tháp Láng Hạ số tiền 20 tỷ VND theo Thỏa thuận hợp tác số 02/TTHT/HANEL-TLH ngày 29/05/2017 ký giữa Công ty và Công ty TNHH Tháp Láng Hạ về việc "tăng vốn và thay đổi cơ cấu vốn điều lệ của Công ty TNHH ICD Hà Nội để thực hiện dự án điểm thông quan nội địa thành phố Hà Nội tại xã Cổ Bi, huyện Gia Lâm, Hà Nội". Theo thỏa thuận thì Công ty TNHH Tháp Láng Hạ sẽ thanh toán 40 tỷ VND cho Công ty, trong đó đặt cọc trước 20 tỷ VND, thanh toán cho Công ty 20 tỷ VND còn lại sau khi có văn bản phê duyệt/ chấp thuận của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội về đề án tăng vốn và thay đổi cơ cấu vốn điều lệ của Công ty TNHH ICD Hà Nội. Trong trường hợp đề án tăng vốn và thay đổi cơ cấu vốn không được Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội chấp thuận hoặc đề án được phê duyệt nhưng tỷ lệ của Công ty TNHH Tháp Láng Hạ thấp hơn 75%, Công ty sẽ phải hoàn trả lại 20 tỷ VND đặt cọc. Tại thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản chấp thuận của UBND thành phố Hà Nội về phương án trên.
- Khoản đặt cọc của Công ty Cổ phần Viễn thông Hà Nội số tiền 11.906.732.996 VND theo Hợp đồng thuê nhà số 10/HĐ-TN theo đó Công ty Cổ phần Viễn thông Hà Nội được quyền thuê nhà với thời hạn thuê là 20 năm từ ngày 02/05/2007.

(iii) Khoản hoàn nhập dự phòng và gốc Cuba phải trả về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL

Số 02, phố Chùa Bộc, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

MÃ SỐ B09 - DN

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn						
Vay ngắn hạn từ tổ chức tín dụng						
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng - Sở Giao dịch	-	-	20.000.000.000	40.028.134.965	20.028.134.965	20.028.134.965
Ngân hàng TMCP Quân đội	-	-	-	20.028.134.965	20.028.134.965	20.028.134.965
Vay ngắn hạn từ các doanh nghiệp khác	128.982.298.339	128.982.298.339	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-
Công ty TNHH DEHACO (i)	107.445.660.964	107.445.660.964	10.240.686.665	1.717.193.806	-	-
Công ty CP Sản xuất Điện tử Công nghệ cao Hanel (i)	20.936.637.375	20.936.637.375	6.161.455.810	-	101.284.205.154	101.284.205.154
Công ty Cổ phần Dịch vụ Điện tử Hanel (i)	600.000.000	600.000.000	4.079.230.855	1.717.193.806	18.574.600.326	18.574.600.326
Tổng vay và nợ ngắn hạn	128.982.298.339	128.982.298.339	30.240.686.665	41.745.328.771	140.486.940.445	140.486.940.445
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn						
Vay dài hạn từ tổ chức tín dụng						
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hà Nội	-	-	-	63.674.819.439	63.674.819.439	63.674.819.439
Vay dài hạn từ các doanh nghiệp khác	198.979.168.920	198.979.168.920	-	63.674.819.439	63.674.819.439	63.674.819.439
Công ty CP Đầu tư Thạch Bàn (Công ty CP Bất động sản Hanel - Him Lam) (ii)	198.979.168.920	198.979.168.920	-	-	198.979.168.920	198.979.168.920
Tổng vay và nợ dài hạn	198.979.168.920	198.979.168.920	-	63.674.819.439	262.653.988.359	262.653.988.359

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Công ty không xác định các khoản nợ dài hạn đến hạn trả, các khoản nợ được thanh toán theo thực tế thu tiền gốc của ngân hàng. Các khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo các hợp đồng cầm cố, thế chấp từng lần.

Ghi chú:

- (i) Vay các Công ty con: Lãi suất 6%/năm. Mục đích vay vốn: sử dụng để Công ty triển khai các dự án trọng điểm.
- (ii) Vay dài hạn Công ty Cổ phần Đầu tư Thạch Bàn theo Hợp đồng số 03/HD/ĐTTB ngày 12/6/2017 để bổ sung vốn lưu động, lãi suất cho vay 0%/năm, thời hạn vay là 24 tháng kể từ khi nhận tiền theo Phụ lục Hợp đồng vay vốn số 01/PLHD/ĐTTB ngày 31/7/2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

20. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện phản ánh tiền thu trước từ hoạt động cho thuê đất, thuê mặt bằng tại Khu Công nghiệp Sài Đồng - Long Biên.

21. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ

Tại ngày 31/12/2018, Công ty đã thu hồi hết khoản nợ gốc phải thu Grupo De La Electronica (Cuba). Theo đó, Công ty đã thực hiện hoàn nhập lại thuế thu nhập hoãn lại phải trả.

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND		VND	VND
Tại ngày 28/06/2017	1.926.000.000.000	-	-	55.920.493.743	1.981.920.493.743
Lãi (lỗ) trong năm	-	-	-	26.652.776.614	26.652.776.614
Phân phối lợi nhuận	-	-	7.995.832.984	(9.421.465.822)	(1.425.632.838)
Số dư tại ngày 01/01/2018	1.926.000.000.000	-	7.995.832.984	73.151.804.535	2.007.147.637.519
Mua cổ phiếu quỹ	-	(11.944.000)	-	-	(11.944.000)
Lãi (lỗ) trong năm	-	-	-	178.341.517.893	178.341.517.893
Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	16.878.658.432	(58.324.451.723)	(41.445.793.291)
Phải nộp Ngân sách (ii)	-	-	-	(177.999.816.861)	(177.999.816.861)
Số dư tại ngày 31/12/2018	1.926.000.000.000	(11.944.000)	24.874.491.416	15.169.053.844	1.966.031.601.260

Ghi chú:

(i) Bao gồm:

- Chia cổ tức cho 6 tháng cuối năm 2017 số tiền 9.630.000.000 VND theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/4/2018, tương ứng với 0,5% trên vốn góp Chủ sở hữu.
- Phân phối Lợi nhuận năm 2018 theo kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/4/2018. Công ty sẽ xin phê duyệt chính thức của Đại hội đồng cổ đông trong kỳ Đại hội cổ đông thường niên năm 2019.

Chi tiết phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

Trích quỹ đầu tư phát triển:	16.878.658.432 VND;
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi:	2.623.582.630 VND;
Trích quỹ khen thưởng VCQL:	302.210.661 VND;
Cổ tức:	28.890.000.000 VND (tương đương 1,5% vốn góp chủ sở hữu).

- (ii) Bao gồm 55.920.493.743 VND lợi nhuận lũy kế còn lại phát sinh trước thời điểm cổ phần hóa và 122.079.323.118 VND là số tiền thu được từ Grupo De La Electronica ("đối tác Cuba") trong năm (sau khi đã loại trừ chênh lệch tỷ giá giữa phần nhận được từ đối tác Cuba và phần trả cho VDB), loại trừ khoản chi phí công tác đi Cuba của Công ty để làm việc với đối tác Cuba liên quan đến thu hồi công nợ và loại trừ số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Vốn điều lệ

Tại ngày 31/12/2018, vốn điều lệ đã được bổ sung theo Quyết định số 1712/QĐ-UBND ngày 14/03/2017 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Vốn đầu tư của Nhà nước	1.886.144.000.000	97,93%	1.886.144.000.000	97,93%
Vốn của các cổ đông khác	39.856.000.000	2,07%	39.856.000.000	2,07%
Cộng	1.926.000.000.000	100%	1.926.000.000.000	100%

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Ngoại tệ		
- USD	2.912,69	3.413,68
- EUR	4.807,15	1.270.584,79
- SGD	-	0,22
2. Nợ khó đòi đã xử lý	2.427.781.601	2.427.781.601

24. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay
	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	
- Doanh thu dự án	25.097.709.645
- Doanh thu bán hàng hoá	403.446.056.424
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	32.853.664.275
	461.397.430.344
Các khoản giảm trừ doanh thu	2.830.360.610
- Giảm giá hàng bán	2.830.360.610
- Hàng bán bị trả lại	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	458.567.069.734

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay
	VND
Giá vốn dự án	22.682.937.046
Giá vốn cung cấp hàng hoá	400.226.108.721
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	17.861.991.306
	440.771.037.073

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay
	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, lãi phải thu Cuba	66.979.576.128
Cổ tức, lợi nhuận được chia	62.895.128.602
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	6.247.258.120
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.619.439.241
Cộng	138.741.402.091

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>
	VND
Lãi tiền vay	39.292.062.312
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	1.703.314.448
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	6.687.459.412
Cộng	<u>47.682.836.172</u>

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u>
	VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	273.435.775
Chi phí công tác	377.868.615
Các khoản chi phí bán hàng khác	210.960.993
Cộng	<u>862.265.383</u>
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	
Chi phí nhân viên	18.496.571.606
Chi phí vật liệu quản lý	771.388.115
Chi phí đồ dùng văn phòng	826.840.113
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.522.245.816
Thuế, phí và lệ phí	1.731.497.780
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.213.404.834
Chi phí bằng tiền khác	8.565.663.440
Cộng	<u>51.127.611.704</u>

29. THU NHẬP KHÁC

	<u>Năm nay</u>
	VND
Khoản thu từ CUBA (i)	152.916.995.203
Thu từ thanh lý tài sản cố định	155.363.636
Thu nhập khác	77.138.772
Cộng	<u>153.149.497.611</u>

Ghi chú:

- (i) Khoản tiền nhận được từ Grupo De La Electronica Cộng hòa Cuba trong năm được ghi nhận vào thu nhập khác sau khi Công ty đã hạch toán khấu trừ hết phần nợ gốc.

30. CHI PHÍ KHÁC

	<u>Năm nay</u>
	VND
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	31.441.996
Khấu hao TSCĐ	1.359.705.804
Phạt chậm nộp thuế	-
Chi phí khác	686.558.082
Cộng	<u>2.077.705.882</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Năm nay</u>
	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại	
Lợi nhuận trước thuế	55.337.359.324
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(47.594.776.206)
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	61.191.814.154
- Cổ tức, Lợi nhuận được chia	62.895.128.602
- Lãi/(Lỗ) chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(1.703.314.448)
- Lãi đánh giá lại các khoản đầu tư	-
Cộng: Các khoản chi phí không được trừ	1.230.277.578
Lãi chênh lệch tỷ giá Cuba (i)	12.366.760.370
Khoản thu từ CUBA (ii)	152.599.153.898
Thu nhập chịu thuế	160.341.737.016
Thuế suất thông thường	20%
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32.068.347.403
Thuế thu nhập hoãn lại	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	32.068.347.403
<i>Trong đó: Số thuế TNDN từ hoạt động thu lãi từ Cuba</i>	<i>30.519.830.780</i>
<i>Số thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh thông thường</i>	<i>1.548.516.624</i>

Ghi chú:

- (i) Bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện các năm trước do đánh giá chênh lệch tỷ giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng của khoản phải thu dài hạn từ Grupo De La Electronica Cộng hòa Cuba đã thu được trong năm.
- (ii) Khoản thu từ Cuba: số tiền thu được từ Cuba hạch toán trên thu nhập khác trừ đi chi phí chênh lệch tỷ giá giữa số nhận được từ Cuba và số đã trả VDB và chi phí công tác đi Cuba của Công ty liên quan đến thu hồi công nợ. Giá trị còn lại sau khi nộp thuế 122.079.323.118 VND được Công ty ghi nhận Phải nộp Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp.

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI

	<u>Năm nay</u>
	VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm	-
Hoàn nhập thuế hoãn lại phải trả	(2.473.352.074)
Cộng	(2.473.352.074)

33. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Trong năm, Công ty đã hoàn nhập khoản dự phòng phải thu khó đòi đối với khoản công nợ phải thu Group De La Electronica của Cộng hòa Cuba với số tiền 44.898.141.996 VND và ghi tăng Phải nộp Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh giảm trên chi tiêu Các khoản dự phòng và chi tiêu tăng, giảm các khoản phải trả.

Chi phí lãi vay không bao gồm 18.937.375.175 VND, là số tiền lãi vay thực tế Công ty đã trả cho Ngân hàng Phát triển từ tháng 8 đến tháng 11 năm 2018 nhưng Công ty chưa ghi nhận chi phí tài chính mà ghi giảm Phải nộp Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp do Công ty chưa nhận được tiền từ Cuba. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh giảm trên chi tiêu Chi phí lãi vay và chi tiêu tăng, giảm các khoản phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

33. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)

Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác không bao gồm 7.167.932.407 VND là số chi phí lãi vay vốn hóa thực tế đã phát sinh trong năm nhưng chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả;

Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia không bao gồm 10.854.815.256 VND được bù trừ với công nợ phải trả và 1.717.193.806 VND được bù trừ với công nợ tiền vay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên các chỉ tiêu tăng, giảm các khoản phải trả và tiền trả nợ gốc vay tương ứng. Đồng thời, tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia cũng không bao gồm 1.758.983.738 VND là khoản cổ tức lợi nhuận được chia trong năm nhưng chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên các chỉ tiêu tăng, giảm các khoản phải thu.

Tiền thu từ đi vay không bao gồm 10.240.686.665 VND, là số được chuyển từ công nợ phải trả sang khoản vay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền trả nợ gốc vay không bao gồm 1.717.193.806 VND, là số tiền vay được bù trừ với công nợ phải thu. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu không bao gồm 28.890.000.000 VND, là số tiền chia cổ tức mà chưa chi. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 19 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	327.961.467.259	403.140.928.804
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(166.411.560.699)	(106.331.828.356)
Nợ thuần	161.549.906.560	296.809.100.448
Vốn chủ sở hữu	1.966.031.601.260	2.007.147.637.519
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,08	0,15

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	166.411.560.699	106.331.828.356	166.411.560.699	106.331.828.356
Phải thu khách hàng và phải thu khác	311.185.831.122	290.075.418.535	311.185.831.122	290.075.418.535
Phải thu cho vay	3.135.000.000	3.135.000.000	3.135.000.000	3.135.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	185.201.053.628	302.026.060.410	185.201.053.628	302.026.060.410
Tổng cộng	665.933.445.449	701.568.307.301	665.933.445.449	701.568.307.301
Công nợ tài chính				
Các khoản vay	327.961.467.259	403.140.928.804	327.961.467.259	403.140.928.804
Phải trả người bán và phải trả khác	499.381.324.996	547.509.824.409	499.381.324.996	547.509.824.409
Chi phí phải trả	10.142.538.097	15.230.087.513	10.142.538.097	15.230.087.513
Tổng cộng	837.485.330.352	965.880.840.726	837.485.330.352	965.880.840.726

Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính riêng và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Theo đó, Công ty xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính theo giá trị ghi sổ tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng như trình bày tại Mục 4.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá cả của các loại hàng hóa, nguyên liệu. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	166.411.560.699	-	166.411.560.699
Phải thu khách hàng và phải thu khác	198.565.069.797	112.620.761.325	311.185.831.122
Phải thu cho vay	3.135.000.000	-	3.135.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	185.201.053.628	-	185.201.053.628
Tổng cộng	553.312.684.124	112.620.761.325	665.933.445.449
Số cuối năm			
Các khoản vay	128.982.298.339	198.979.168.920	327.961.467.259
Phải trả người bán và phải trả khác	498.381.324.996	1.000.000.000	499.381.324.996
Chi phí phải trả	10.142.538.097	-	10.142.538.097
Tổng cộng	637.506.161.432	199.979.168.920	837.485.330.352
Chênh lệch thanh khoản thuần	(84.193.477.308)	(87.358.407.595)	(171.551.884.903)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	-VND	VND	VND
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	106.331.828.356	-	106.331.828.356
Phải thu khách hàng và phải thu khác	289.075.418.535	1.000.000.000	290.075.418.535
Phải thu cho vay	3.135.000.000	-	3.135.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	302.026.060.410	-	302.026.060.410
Tổng cộng	700.568.307.301	1.000.000.000	701.568.307.301
Số đầu năm			
Các khoản vay	140.486.940.445	262.653.988.359	403.140.928.804
Phải trả người bán và phải trả khác	546.509.824.409	1.000.000.000	547.509.824.409
Chi phí phải trả	15.230.087.513	-	15.230.087.513
Tổng cộng	702.226.852.367	263.653.988.359	965.880.840.726
Chênh lệch thanh khoản thuần	(1.658.545.066)	(262.653.988.359)	(264.312.533.425)

Ban Lãnh đạo đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Lãnh đạo tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

35. THÔNG TIN KHÁC

Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty đang thực hiện các thủ tục để ký lại hợp đồng thuê đất khi chuyển sang Công ty cổ phần.

36. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Công ty đang ghi nhận trên sổ sách khoản Công nợ phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển N&G số tiền 102.920.788.809 VND, tuy nhiên trên thực tế nghĩa vụ của Công ty N&G phải trả cho phía Công ty là 134.985.864.636 VND (trong đó có 48.228.864.717 VND lãi quá hạn). Công ty chưa ghi nhận một phần khoản lãi chậm thanh toán số tiền 32.065.075.908 VND theo nguyên tắc thận trọng nguyên nhân do khoản công nợ phải thu này đã quá hạn thanh toán nhiều năm nhưng chưa thu được tiền và chưa đối chiếu được công nợ với N&G.

Công ty chưa ghi nhận giá trị lợi thế từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh thực hiện dự án tại 409 Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội nguyên nhân do Công ty chưa được UBND thành phố cho phép tiếp tục thực hiện dự án. Công ty có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ tài chính đầy đủ theo quy định và nộp Nhà nước giá trị lợi thế từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh bao gồm khoản tiền 15.000.000.000 VND và các quyền lợi khác (nếu có) khi chính thức thực hiện dự án.

Công ty chưa xác định giá trị lợi thế thu được từ diện tích 1.350 m² tại tầng 1, tầng lửng và diện tích 126 m² của 6 kiot tại Dự án đầu tư xây dựng nhà ở cao tầng I1, I2, I3 Nam Thành Công và văn phòng làm việc, giao dịch của Công ty Điện tử Hà Nội tại số 165 Thái Hà, Đống Đa, Hà Nội do hai bên hợp tác đầu tư có khiếu nại, tranh chấp. Ngày 28/12/2017, Tòa án nhân dân quận Đống Đa đã có Thông báo số 3192/TB-TLVA về việc thụ lý vụ án giữa nguyên đơn là Công ty Cổ phần Hanel, bị đơn là Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng, người có quyền lợi liên quan là Công ty Cổ phần Đầu tư địa ốc Sông Hồng về việc thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng số 654 ngày 17/11/2005 và Bản cam kết 126/2010/BBTT ngày 02/8/2010.

Tại ngày 31/12/2018, Công ty đã đặt cọc trước một phần tiền thuê đất với số tiền 38.914.200.000 VND cho diện tích đất tại Lô 2 - E9 - Phạm Hùng - Hà Nội (thuộc Dự án Đầu tư xây dựng trụ sở Công ty). Theo Quyết định số 6687/QĐ-UBND ngày 07/12/2018 của UBND TP. Hà Nội, trường hợp Công ty TNHH MTV Hanel (hiện là Công ty Cổ phần Hanel) được UBND thành phố Hà Nội giao 4.184 m² đất tại Lô 2 - E9 - Phạm Hùng thì phải xác định khoản chênh lệch tăng giữa giá trị quyền sử dụng đất xác định lại với giá trị đang hạch toán trên sổ sách kế toán để hạch toán tăng giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp cổ phần hóa theo quy định. Tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, Công ty vẫn chưa được bàn giao diện tích đất của Dự án trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo


37. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2018 đã được điều chỉnh lại. Cụ thể:


NỘI DUNG	Mã số	Số đã kiểm toán	Số trình bày lại	Chênh lệch	Ghi chú
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN					
Tài sản					
				124.652.836.733	
1. Phải thu ngắn hạn khác	136	146.307.499.229	146.474.084.756	166.585.527	(i)
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	37.268.698.681	37.276.938.811	8.240.130	(ii)
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	2.076.897.024	18.983.993.880	16.907.096.856	(ii)
4. Đầu tư vào công ty con	251	347.984.494.951	340.507.119.650	(7.477.375.301)	(iii)
5. Chi phí trả trước dài hạn	261	20.872.966.309	135.921.255.830	115.048.289.521	(ii)
Nợ phải trả và nguồn vốn					
				124.652.836.733	
1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	612.402.608	35.315.218.144	34.702.815.536	(ii)
2. Phải trả ngắn hạn khác	319	373.914.241.453	462.845.200.667	88.930.959.214	
- Phải trả Công ty TNHH Dehaco				10.391.016.262	(iii)
- Phải trả Quỹ hỗ trợ sắp xếp DN				78.539.942.952	
3. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	1.780.123.875	-	(1.780.123.875)	(ii)
4. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.150.106.461	6.949.292.319	2.799.185.858	(ii)

Ghi chú:

- (i) Điều chỉnh lãi tài khoản phong tỏa phát sinh từ khoản tiền đặt cọc của nhà đầu tư chiến lược theo Quyết định số 6687/QĐ-UBND ngày 07/12/2018 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt chi phí cổ phần hóa và giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại thời điểm chuyển Công ty TNHH MTV Hanel thành Công ty Cổ phần Hanel. Theo đó khoản phải nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp trên Chỉ tiêu Phải trả ngắn hạn khác cũng được điều chỉnh tương ứng.
- (ii) Điều chỉnh theo Thông báo kết quả kiểm toán số 869/TB-KTNN KVI ngày 30/11/2018 của Kiểm toán Nhà nước, Kết luận thanh tra thuế số 11328/KL-CT-TTr1 ngày 23/3/2018 của Cục thuế thành phố Hà Nội và Kết luận thanh tra thuế số 70015/KL-CT-TTr1 ngày 19/10/2018 của Cục thuế thành phố Hà Nội sửa đổi, bổ sung Kết luận thanh tra thuế số 11328/KL-CT-TTr1 ngày 23/3/2018.
- (iii) Theo Quyết định số 28192/QĐ-CT-KTr3 ngày 09/5/2018, Công ty TNHH Dehaco bị truy thu 11.545.573.624 VND thuế TNDN năm 2013 và 9.329.978.045 VND tiền phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế (tiền phạt do khai sai và tiền chậm nộp thuế). Theo Công văn số 4125/STC-TCĐN của Sở Tài chính - Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội ngày 20/6/2018 và Nghị quyết Hội đồng thành viên số 68/18/BBNQ-HĐTV-DEHACO ngày 29/6/2018, các thành viên sẽ góp vốn bổ sung để Dehaco nộp thuế TNDN tương ứng với tỷ lệ sở hữu Dehaco đã điều chỉnh hồi tố một phần chi phí phạt hành chính trên vào báo cáo tài chính các năm trước với số tiền 8.955.901.460 VND theo Biên bản Nghị quyết số 69/2018/BBNQ-HĐTV-DEHACO ngày 30/6/2018. Công ty TNHH Dehaco đã lập lại báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 27/6/2017. Theo đó, Công ty đã điều chỉnh giảm giá trị khoản đầu tư vào Công ty TNHH Dehaco với số tiền 7.477.375.301 VND, đồng thời điều chỉnh tăng khoản phải trả Dehaco số tiền 10.391.016.262 VND (tương ứng 90% số thuế TNDN bị truy thu), điều chỉnh giảm khoản phải trả Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp với số tiền 17.868.391.563 VND.


Trần Thu Loan
Người lập biểu
Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2019


Lữ Thị Khánh Trân
Trưởng Phòng Kế toán - Tài vụ


Nguyễn Quốc Bình
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

